

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG THÓI QUEN TIẾT KIỆM CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trung Vương *, Khấu Thị Thanh Trúc, Nguyễn Gia Huy, Hứa Ngọc Minh Châu,
Trần Khánh Trang
Trường Đại Học Hoa Sen

Thông tin bài báo

Nhận bài: 3/2024
Chấp nhận: 9/2024
Xuất bản online: 9/2024

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thói quen tiết kiệm của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu thu thập từ khảo sát 257 sinh viên đại học trong thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023 kết hợp với việc sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để phân tích mô hình giả thuyết. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố tự kiểm soát, quyết định tiết kiệm và ảnh hưởng gia đình tác động tới thói quen tiết kiệm của sinh viên tháng 10/2023 đến tháng 12/2023 kết hợp với việc sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để tiến hành phân tích mô hình giả thuyết. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố tự kiểm soát, quyết định tiết kiệm và ảnh hưởng gia đình tác động tới thói quen tiết kiệm của sinh viên

The objective of this study is to examine the effect of factors on students' saving habits in Ho Chi Minh City. The study collected data from 257 samples on a survey of under-graduated students in Ho Chi Minh City from October 2023 to December 2023 with the use of regression analysis. This study found that self-control, family influence, and financial literacy have a positive impact on saving habit

Từ khóa: Thói quen tiết kiệm, hiểu biết tài chính, ảnh hưởng gia đình và tự kiểm soát.

1. GIỚI THIỆU

Người ta thường nói rằng chính những điều nhỏ nhặt tạo nên sự khác biệt lớn. Trong cuộc sống, thói quen – dù tích cực hay tiêu cực – chính là những yếu tố nhỏ bé đó. Việc tiết kiệm và đầu tư cũng không nằm ngoài quy luật này. Điều quan trọng không phải là bạn tiết kiệm được bao nhiêu tiền, mà là việc hình thành thói quen tiết kiệm và đầu tư thường xuyên. Bởi lẽ, những thói quen nhỏ nhặt này sẽ mang lại những giá trị lớn lao hơn nhiều so với số tiền bạn tiết kiệm được. Theo Modigliani & Brumberg (1954) và Browning & Crossley (2001), thói quen có thể hiểu đơn giản là những hành vi được lặp đi lặp lại thường xuyên đến mức trở thành tự động, đôi khi chúng ta thậm chí không nhận thức được. Tiết kiệm và đầu tư là những ví dụ điển hình về các thói quen tài chính. Tuy nhiên, do nhu cầu cuộc sống ngày càng tăng, nhiều người vẫn có xu hướng chi tiêu hết thu nhập mà không dành ra một khoản để tiết kiệm hoặc đầu tư.

Là một trong những trung tâm kinh tế trọng điểm của Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh tạo ra một môi trường sống năng động, đòi hỏi sinh viên phải trang bị những kỹ năng quản lý tài chính vững vàng. Áp lực tài chính từ cuộc sống đô thị đã thúc đẩy các bạn trẻ rèn luyện khả năng lập kế hoạch chi tiêu, ưu tiên các mục tiêu và đưa ra những quyết định tài chính sáng suốt. Thói quen tiết kiệm không chỉ giúp sinh viên tích lũy được một khoản tiền mà còn rèn luyện những phẩm chất quan trọng như kỷ luật, kiên trì và tư duy tiết kiệm, những yếu tố góp phần vào sự thành công trong cuộc sống. Chính những lý do trên đã thúc đẩy chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến thói quen tiết kiệm của sinh viên tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.

* Tác giả liên hệ.

Email: Vuong.nt0121@sinhvien.hoasen.edu.vn

Xuất phát từ thực tế sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với nhiều áp lực tài chính, nghiên cứu này nhằm mục tiêu làm rõ tác động của các yếu tố như hiểu biết tài chính, ảnh hưởng gia đình, bạn bè và khả năng tự kiểm soát đối với thói quen tiết kiệm của sinh viên. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chúng tôi mong muốn đưa ra những khuyến nghị cụ thể để nâng cao ý thức và kỹ năng quản lý tài chính cho sinh viên.

Về góc độ học thuật, nghiên cứu này kỳ vọng sẽ bổ sung vào kho tàng kiến thức về hành vi tiết kiệm của sinh viên, đặc biệt tập trung vào vai trò của các yếu tố như hiểu biết tài chính, ảnh hưởng gia đình và khả năng tự kiểm soát. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng tự kiểm soát đóng vai trò quyết định trong việc duy trì thói quen tiết kiệm, thậm chí còn quan trọng hơn cả hiểu biết tài chính và ảnh hưởng gia đình. Phát hiện này mở ra hướng nghiên cứu mới, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển kỹ năng sống cho sinh viên.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra tầm quan trọng của môi trường gia đình trong việc hình thành thói quen tiết kiệm. Để nâng cao hiệu quả của các chương trình giáo dục tài chính, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội.

Cuối cùng, nghiên cứu này mong muốn đóng góp vào việc xây dựng các mô hình giáo dục tài chính phù hợp với đặc điểm của sinh viên Việt Nam. Qua đó, góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý tài chính cho thế hệ trẻ, từ đó xây dựng một nền tảng vững chắc cho tương lai

Báo cáo nghiên cứu được chia thành 4 phần như sau:

- Phần 1: Tổng quan tài liệu nghiên cứu
- Phần 2: Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu
- Phần 3: Kết quả nghiên cứu và thảo luận
- Phần 4: Kết luận

2. TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

Theo Duhigg (2016) thói quen tiết kiệm là kết quả của một chuỗi các hành vi được lặp lại. Ông cho rằng việc nhận biết và thay đổi thói quen tiết kiệm có thể dẫn đến một cuộc sống tài chính khôn ngoan hơn. Thói quen tiết kiệm bắt nguồn từ lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior) (Ajzen, 1991, Ajzen, 2011). Lý thuyết này là sự mở rộng của lý thuyết Hành động (Ajzen & Fishbein, 1980; Fishbein & Ajzen, 1975), theo đó hành vi tiết kiệm sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố kiểm soát hành vi nhận thức, kiểm soát niềm tin, thái độ đối với hành vi.

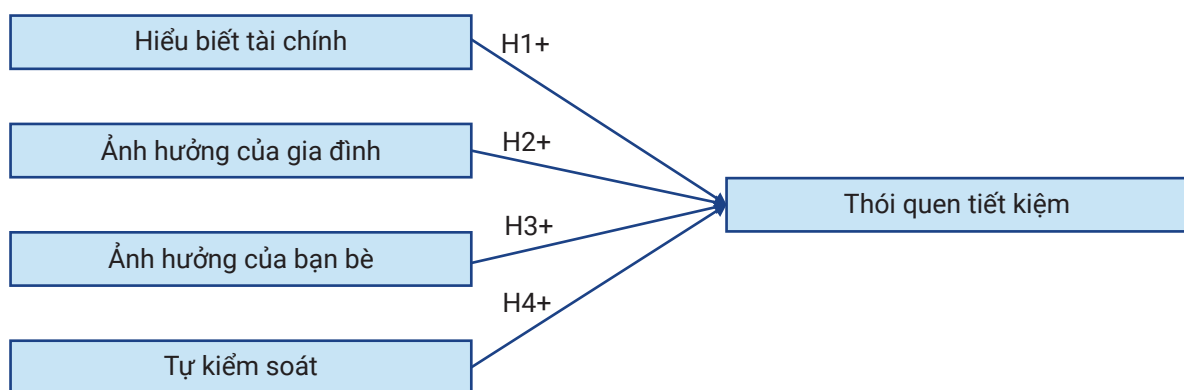
Rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã tiến hành để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thói quen tiết kiệm của sinh viên (Syahrom, Nasrudin, Mohamad Yasin, Azlan & Manap 2017; Shaliza, Irma & Mohamed, 2015) và kết quả đã chỉ ra nhiều yếu tố dẫn đến thói quen tiết kiệm. Các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng ảnh hưởng của cha mẹ là yếu tố quan trọng nhất định hình thói quen tiết kiệm của sinh viên. Danny (2014) đã phân tích ảnh hưởng của hoàn cảnh gia đình đến hành vi tiết kiệm của sinh viên. Kết quả cho thấy mối tương quan cùng chiều của sự hỗ trợ của phụ huynh và kinh nghiệm tiết kiệm của phụ huynh đối với việc tiết kiệm của sinh viên. Webley và Nyhus (2006) đã điều tra hành vi ảnh hưởng đến nền thói quen tiết kiệm của con cái họ. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy hành vi và định hướng của cha mẹ là ảnh hưởng đến hành vi tài chính của trẻ em. Điều này có nghĩa là trẻ em được kỳ vọng sẽ có hành vi tài chính tốt nếu chúng có mối quan hệ tốt với cha mẹ của họ. Mặt khác, Jorgensen và Savla (2010) đã nghiên cứu về tầm quan trọng của ảnh hưởng của cha mẹ đối với khả năng hiểu biết tài chính của thanh niên được tiết lộ rằng ảnh hưởng của cha mẹ có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đến hành vi tài chính của con cái.

Dựa trên các nghiên cứu của Lusardi (2005), Sabri & ctg (2008), Delafrooz & Paim (2011) và Mahdzan & Tabiani (2013), hiểu biết tài chính được xem là một yếu tố quyết định quan trọng đối với hành vi tiết kiệm của cá nhân. Bên cạnh đó, theo Otto (2009) và Furnham (2001), vai trò của gia đình, đặc biệt là cha mẹ, cũng không thể phủ nhận trong việc hình thành thói quen tiết kiệm ở con cái. Cha mẹ không chỉ truyền đạt kiến thức tài chính mà còn tạo ra một môi trường khuyến khích tiết kiệm. Thêm vào đó, các yếu tố tâm lý như tự kiểm soát cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định tiết kiệm. Nghiên cứu của Kim & Hanna (2017) và Chia & ctg (2012) đã chỉ

ra rằng, bên cạnh hiểu biết tài chính và ảnh hưởng của gia đình, các yếu tố tâm lý như tự kiểm soát và ảnh hưởng của bạn bè cũng có tác động đáng kể đến hành vi tiết kiệm

Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho thấy hành vi tiết kiệm của sinh viên còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác. Theo Villanueva (2017), hầu hết thanh niên đều trải nghiệm sự tự chủ tài chính lần đầu tiên trong thời gian đại học và thiếu kinh nghiệm quản lý tài chính cá nhân, điều này có thể gây ra những hậu quả tiêu cực về lâu dài. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nền tảng văn hóa xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các thói quen tiêu dùng khác nhau. Tại Việt Nam cũng đã có một số nghiên cứu về hành vi tiết kiệm nhưng chủ yếu tập trung vào hành vi tiết kiệm của hộ gia đình và người đi làm, song các nghiên cứu liên quan đến sinh viên đại học vẫn còn hạn chế. Theo Trần Nguyễn Minh Hải (2021) yếu tố ảnh hưởng của cha mẹ có tác động tích cực đến hành vi tiết kiệm của sinh viên.

Từ lý thuyết và các nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu này giả định các yếu tố Hiểu biết về tài chính (TC), Ảnh hưởng của gia đình (GD), Ảnh hưởng của bạn bè (BB), Tự kiểm soát (KS) đến Thói quen tiết kiệm (TK) với mô hình nghiên cứu đề xuất được trình bày như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU

3.1. Thu thập dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Để thu thập dữ liệu, chúng tôi đã tiến hành một cuộc khảo sát trực tuyến đối với sinh viên đại học đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo công thức của Hair và cộng sự (1988), với 39 biến quan sát trong nghiên cứu này, chúng tôi cần tối thiểu 195 mẫu. Cuộc khảo sát được thực hiện thông qua Google Forms từ ngày 10/10/2023 đến 31/12/2023 và thu được 300 mẫu. Tuy nhiên, sau khi loại bỏ các mẫu không hợp lệ, chỉ có 257 mẫu được sử dụng cho việc phân tích.

Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng phương pháp hồi quy đa biến (OLS) với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Bên cạnh đó, để đảm bảo độ tin cậy của các thang đo, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra Cronbach's Alpha. Đồng thời, phân tích nhân tố khám phá (EFA) cũng được thực hiện nhằm giảm số lượng biến và tìm ra các yếu tố tiềm ẩn.

3.2. Đo lường các biến

Thói quen tiết kiệm trong nghiên cứu này được định nghĩa là tập hợp các hành vi liên quan đến việc quản lý tài chính cá nhân một cách hiệu quả, bao gồm việc đặt mục tiêu tiết kiệm, sử dụng tiền bạc một cách hợp lý và có ý thức về giá trị của tiền. Để đo lường biến này, chúng tôi đã sử dụng 7 câu hỏi được chọn lọc từ các nghiên cứu trước đó của Nga, Yong, và Sellappan (2010), Delafrooz và cộng sự (2011), cùng Sabri và nhóm (2010). Người tham gia khảo sát được yêu cầu đánh giá mức độ đồng ý với các câu hỏi này trên thang đo Likert 5 điểm, từ "hoàn toàn không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý". Điểm số càng cao, cho thấy người tham gia càng có thói quen tiết kiệm tốt.

Hiểu biết về tài chính: Được đo lường qua 10 câu hỏi, đánh giá mức độ hiểu biết của người tham gia về các khái niệm tài chính cơ bản và các công cụ quản lý tài chính.

Ảnh hưởng của gia đình: Được đo lường qua 6 câu hỏi, đánh giá mức độ ảnh hưởng của gia đình đến thái độ và hành vi tiết kiệm của người tham gia.

Ảnh hưởng của bạn bè: Được đo lường qua 4 câu hỏi, đánh giá mức độ ảnh hưởng của bạn bè đến quyết định chi tiêu và tiết kiệm của người tham gia.

Tự kiểm soát: Được đo lường qua 12 câu hỏi, đánh giá khả năng kiềm chế bản thân, trì hoãn nhu cầu tức thời và đạt được mục tiêu dài hạn của người tham gia.

Biến "Hiểu biết tài chính" phản ánh mức độ kiến thức và sự hiểu biết về các khái niệm tài chính cơ bản, bao gồm khả năng phân biệt giữa thu nhập và chi tiêu, hiểu biết về lãi suất, đầu tư, và quản lý nợ nần. Có mười câu hỏi (ký hiệu từ TC1-TC10) được tạo ra nhằm đánh giá mức độ nhận thức về kiến thức tài chính của người được hỏi. Được phát triển dựa trên công trình Hira và Loibl (2005), nghiên cứu của Cude và đồng sự (2006), bộ câu hỏi này giúp xác định sự tự tin về lĩnh vực tài chính của người trả lời. Thang đo cao hơn cho thấy người trả lời có kiến thức tài chính tốt hơn và ngược lại.

Biến "Ảnh hưởng của gia đình" đề cập đến sự ảnh hưởng của gia đình và môi trường sống đối với hành vi tài chính của cá nhân. Điều này bao gồm cả việc nhận thức và học hỏi từ các mô hình tài chính gia đình, cũng như các giá trị và thái độ tài chính được truyền đạt trong gia đình. Dựa trên nghiên cứu của Otto (2009), ông đã tạo ra 6 câu hỏi (ký hiệu từ GD1-GD6) để nghiên cứu sự liên kết giữa thói quen tiết kiệm của một người và ảnh hưởng từ cha mẹ họ. Một điểm số cao trên thang đo này cho thấy rằng việc giáo dục tài chính từ cha mẹ có tác động mạnh mẽ đến cách tiết kiệm tiền của người đó.

Biến "Ảnh hưởng của bạn bè" là một nhóm biến mô tả sự ảnh hưởng của bạn bè, đồng nghiệp hoặc cộng đồng đối với hành vi tài chính của cá nhân. Điều này có thể bao gồm áp lực từ bạn bè trong việc tiêu tiền hoặc đầu tư, cũng như những thông tin và kiến thức về tài chính được chia sẻ từ cộng đồng. Trong nghiên cứu này tác giả đã xây dựng một bộ 4 câu hỏi (ký hiệu BB1-BB4) dựa trên công trình của Otto (2009) để khám phá mức độ ảnh hưởng từ bạn bè và đồng nghiệp lên việc tiết kiệm tiền của một cá nhân. Kết quả cao trên thang đo này cho

thấy rằng các mối quan hệ xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định tiết kiệm của người đó.

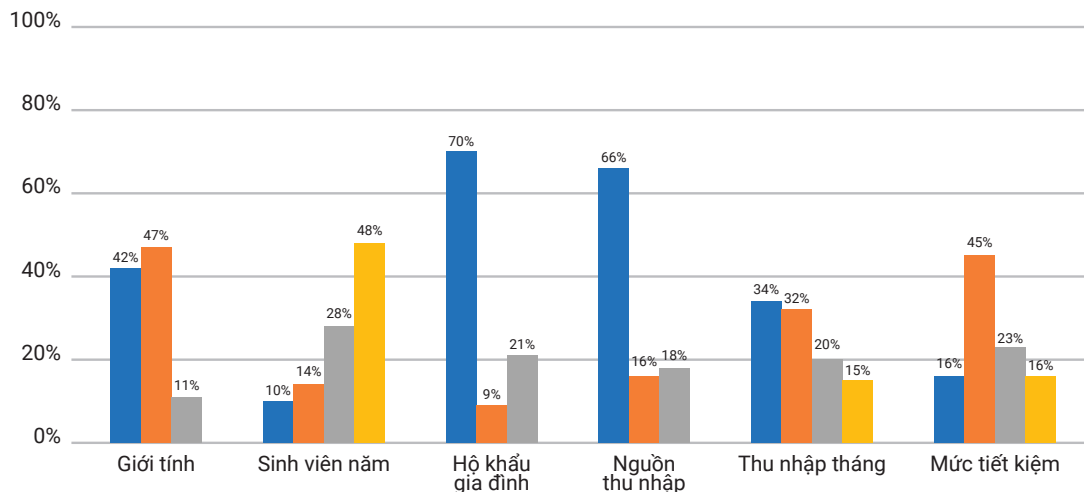
"Tự kiểm soát" phản ánh mức độ khả năng tự kiểm soát và quản lý thói quen tài chính của bản thân, bao gồm việc đặt mục tiêu tiết kiệm, sử dụng nguồn lực tài chính một cách có ý thức, và thái độ đối với tiền bạc và việc chi tiêu. Bộ 12 câu hỏi (ký hiệu từ KS1-KS12), được xây dựng từ các nghiên cứu trước đây như Dự án Nghiên cứu Bắc Trung Bộ Đa Tiểu bang 1013 (2007), Otto (2009), và Esenalde (2011), đã được thiết kế để đánh giá tính bốc đồng trong hành vi của người tham gia. Điểm số cao trên thang đo này phản ánh mức độ bốc đồng cao, điều này có thể liên quan đến khả năng tự kiểm soát thấp hơn trong quản lý tài chính cá nhân.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thống kê mô tả

Hình 2 Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 257 sinh viên tham gia, nữ giới chiếm tỷ lệ cao nhất (47%). Về năm học, gần một nửa số sinh viên đang học năm 4, còn lại chủ yếu là sinh viên năm 3 và năm 2. Đa số sinh viên có hộ khẩu thường trú tại miền Nam (70%), tiếp theo là miền Trung (21%) và miền Bắc (9%).

Về nguồn thu nhập, trợ cấp từ gia đình là nguồn chính của phần lớn sinh viên (66%). Mức thu nhập hàng tháng của sinh viên chủ yếu tập trung trong khoảng từ 3 đến 5 triệu đồng (chiếm 34%). Đáng chú ý, có đến 45% sinh viên đã có thói quen tiết kiệm từ 10% đến 20% thu nhập hàng tháng.



Hình 2: Thống kê mô tả thông tin định danh

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

4.2. Kiểm định độ tin cậy về các thang đo

Kiểm định Cronbach's Alpha đã được thực hiện để đánh giá độ tin cậy nội bộ của thang đo. Kết quả cho thấy tất cả các câu hỏi đều đóng góp vào độ tin cậy chung của thang đo và không có câu hỏi nào cần loại bỏ. Điều này khẳng định tính nhất quán và độ tin cậy của thang đo trong việc đo lường.

Bảng 1 Kiểm định độ tin cậy thang đo

	Trung bình thang đo	Phương sai thang đo	Tổng hệ số tương quan	Hệ số Cronbach's Alpha
TC				0,94
TC1	32,67	71,716	0,831	0,939
TC2	32,57	74,434	0,815	0,940
TC3	32,58	74,526	0,817	0,940
TC4	32,72	75,163	0,731	0,944
TC5	32,57	74,902	0,751	0,943
TC6	32,38	76,502	0,795	0,941
TC7	32,31	76,284	0,793	0,941

	Trung bình thang đo	Phương sai thang đo	Tổng hệ số tương quan	Hệ số Cronbach's Alpha
TC8	32,30	76,522	0,770	0,942
TC9	32,51	75,665	0,761	0,942
TC10	32,66	74,678	0,732	0,944
GD				0,90
GD1	17,97	21,280	0,741	0,892
GD2	17,95	22,536	0,726	0,893
GD3	17,87	21,912	0,774	0,886
GD4	17,89	21,890	0,765	0,888
GD5	17,84	21,788	0,772	0,887
GD6	17,94	22,457	0,687	0,899
BB				0,84
BB1	9,57	8,027	0,624	0,826
BB2	9,67	7,933	0,793	0,753
BB3	9,88	7,877	0,651	0,814
BB4	9,57	8,590	0,660	0,808
KS				0,93
KS1	38,61	98,012	0,735	0,925
KS2	38,56	99,326	0,772	0,924
KS3	38,49	99,274	0,744	0,925
KS4	38,54	98,828	0,749	0,925
KS6	38,56	98,693	0,775	0,924
KS7	38,62	98,917	0,758	0,925
KS8	38,59	99,594	0,749	0,925
KS9	39,02	101,875	0,583	0,931
KS10	38,97	101,616	0,587	0,931
KS11	39,04	100,080	0,676	0,928
KS12	39,27	100,361	0,599	0,931
TK				0,938
TK1	22,14	34,663	0,806	0,928
TK2	21,99	36,644	0,786	0,929
TK3	22,02	36,793	0,750	0,932
TK4	22,16	35,853	0,788	0,929

	Trung bình thang đo	Phương sai thang đo	Tổng hệ số tương quan	Hệ số Cronbach's Alpha
TK5	22,09	36,090	0,810	0,927
TK6	22,06	35,223	0,825	0,926
TK7	22,04	35,486	0,817	0,926

Nguồn: Tác giả tự tính toán

4.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Nghiên cứu đã tiến hành phân tích nhân tố khám phá đối với 32 biến gốc. Sau quá trình xoay ma trận và loại bỏ các biến không đạt yêu cầu (như biến B1 có tải trọng chỉ 0,31), kết quả cuối cùng cho thấy 4 nhân tố chính: Nhân tố 1 - Hiểu biết về tài chính (TC) gồm 11 biến, Nhân tố 2 - Ảnh hưởng của gia đình (GD) gồm 7 biến, Nhân tố 3 - Ảnh hưởng của bạn bè (BB) gồm 7 biến và Nhân tố 4 - Tự kiểm soát (KS) gồm 6 biến

Bảng 2: Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

	Nhân tố khám phá			
	1	2	3	4
KS4	0,757			
KS6	0,756			
KS5	0,751			
KS3	0,743			
KS2	0,728			
KS1	0,705			
KS7	0,697			
KS8	0,661			
TC7	0,583			
TC8	0,544			
TC9	0,536			
TC5		0,808		
TC4		0,800		
TC10		0,728		
TC3		0,699		
TC1		0,589		
TC2		0,564		
TC6		0,519		

	Nhân tố khám phá			
	1	2	3	4
KS10			0,812	
KS11			0,794	
BB3			0,662	
BB2			0,551	
BB4			0,534	
GD5				0,692
GD6				0,679
GD2				0,669
GD4				0,662
GD1				0,661
GD3				0,659

Giá trị Eigenvalues ban đầu

Tổng phương sai	16,207	2,821	1,379	1,230	
%	23,353	16,551	15,175	14,719	72,9

Kiểm định KMO and Bartlett's Test: Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy 0.938; Chi-Square: 7297,567; df = 465, p: 0.000.

Phương pháp trích: Principal Component Analysis. Phương pháp xoay: Varimax with Kaiser Normalization

Nguồn: Tác giả thực hiện

4.4. Mô hình hồi quy

Bảng 3: Bảng kết quả hồi quy đa biến

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa (B)	Sai số	Hệ số chuẩn hóa (Beta)	t	Sig.	Sig.	Đa cộng tuyến (Hệ số Tol và VIF)
TC	0,399	0,053	0,386	7,514	0,000	0,370	2,702
GD	0,118	0,057	0,110	2,064	0,040	0,342	2,920
BB	-0,031	0,044	-0,029	-0,688	0,492	0,546	1,833
KS	0,512	0,062	0,467	8,310	0,000	0,309	3,234
Hệ số chặn	0,110	0,136		0,808	0,420		

Nguồn: Tác giả thực hiện

Giải thích kết quả:

Tên của các biến độc lập (TC: Hiểu biết về tài chính, GD: Ảnh hưởng của gia đình, BB: Ảnh hưởng của bạn bè, KS: Tự kiểm soát) và hằng số.

Hệ số chưa chuẩn hóa (B): Giá trị của hệ số hồi quy chưa được chuẩn hóa. Cho biết khi biến độc lập tăng 1 đơn vị thì biến phụ thuộc trung bình thay đổi bao nhiêu đơn vị.

Sai số chuẩn: Đo lường độ chính xác của hệ số hồi quy.

Hệ số chuẩn hóa (Beta): Giá trị của hệ số hồi quy đã được chuẩn hóa. Cho phép so sánh trực tiếp độ quan trọng của các biến độc lập.

t: Thống kê t dùng để kiểm định giả thuyết null rằng hệ số hồi quy bằng 0.

Sig.: Giá trị p, xác suất để bác bỏ giả thuyết null. Nếu Sig. < 0.05, ta bác bỏ giả thuyết null và kết luận rằng biến độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến biến phụ thuộc.

Đa cộng tuyến:

Hệ số Tolerance: Giá trị càng cao càng tốt, cho thấy biến độc lập ít bị ảnh hưởng bởi các biến độc lập khác. VIF (Variance Inflation Factor): Giá trị càng thấp càng tốt, là nghịch đảo của hệ số Tolerance.

R² hiệu chỉnh bằng 0,754 chỉ ra rằng 75,4% biến thiên của biến phụ thuộc thói quen tiết kiệm được giải thích bởi sự biến thiên đồng thời của 3 biến độc lập.

Phương trình hồi quy của các nhân tố ảnh hưởng đến thói quen tiết kiệm được trình bày như sau:

$$TK = 0,386 TC + 0,110 GD + 0,467 KS + \epsilon_i$$

Với hệ số hồi quy Beta chuẩn hóa bằng 0,467, KS là nhân tố các tác động mạnh nhất đến TK, tiếp đến là TC và cuối cùng là GD. Hệ số hồi quy của 3 biến độc lập lớn hơn 0 chứng tỏ 3 giả thuyết được chấp nhận trong mô hình nghiên cứu.

Bảng 4 : Tóm tắt kết quả kiểm định các giả thuyết của mô hình nghiên cứu

STT	Giả thuyết	Kết luận
1	H1: Hiểu biết về tài chính có tác động tích cực đến thói quen tiết kiệm	Chấp nhận
2	H2: Ảnh hưởng của gia đình có tác động tích cực đến thói quen tiết kiệm	Chấp nhận
3	H3: Ảnh hưởng của bạn bè có tác động tích cực đến thói quen tiết kiệm	Bác bỏ
4	H4: Tự kiểm soát có tác động tích cực đến thói quen tiết kiệm	Chấp nhận

Nguồn: Tác giả thực hiện

4.5. Thảo luận về kết quả nghiên cứu

Với kết quả đạt được từ những kiểm định được trình bày ở trên, ta có thể thấy các biến thành phần trong đó có biến Hiểu biết tài chính, Ảnh hưởng của gia đình và biến Tự kiểm soát có các hệ số trong phương trình hồi quy có ý nghĩa thống kê và các hệ số hồi quy riêng đều có giá trị dương ($\text{sig} < 0.05$). Bên cạnh đó biến Ảnh hưởng của bạn bè không có ý nghĩa trong mô hình hồi quy ($\text{sig} > 0.05$) nên nhóm quyết định loại biến này ra khỏi mô hình hồi quy. Như vậy, dựa vào kết quả phân tích từ bảng 4 giả thuyết H1; H2; H4 được chấp nhận. Giả thuyết H3 bị bác bỏ. Đồng nghĩa với vấn đề trong trường hợp nghiên cứu này biến hiểu biết tài chính, ảnh hưởng của gia đình và tự kiểm soát tác động dương đến thói quen tiết kiệm.

Dựa vào bảng 3 cho thấy, có sự khác biệt rõ ràng trong hệ số hồi quy chuẩn hóa của các biến thành phần. Từ đó, có thể kết luận rằng khả năng giải thích sự biến thiên của biến Kiểm soát đối với biến Tiết kiệm là cao nhất (hồi quy $B=0,512$) so với biến Tài chính (hồi quy $B=0,399$) và biến Gia đình (hồi quy $B=0,118$). Do đó, kết quả của phân tích mẫu khảo sát cho thấy tự kiểm soát có tác động mạnh nhất đến thói quen tiết kiệm.

Nghiên cứu tìm thấy tự kiểm soát, hiểu biết tài chính và ảnh hưởng của gia đình ảnh hưởng đến thói quen tiết kiệm. Cụ thể, tự kiểm soát các tác động lớn nhất đến thói quen tiết kiệm. Kết quả của nghiên cứu này đồng nhất với lý thuyết hành vi có kế hoạch. Kết quả hàm ý rằng tự kiểm soát thói quen tiết kiệm tốt sẽ giúp cá nhân thực hiện hành vi tiết kiệm nhiều hơn. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Kim & Hanna (2017) và Chia & ctg (2012).

Tiếp đến, hiểu biết tài chính tác động đến thói quen tiết kiệm. Kết quả này được hỗ trợ từ kết quả của Lusardi (2005), Sabri & ctg (2008), Delafrooz & Paim (2011) và Mahdzan & Tabiani (2013). Các tác giả khẳng định rằng khi cá nhân hiểu biết tài chính càng cao thì họ thực hiện tiết kiệm càng nhiều.

Cuối cùng, ảnh hưởng của gia đình động đến thói quen tiết kiệm. Kết quả này được hỗ trợ từ kết quả của Danny (2014); Jorgensen và Savla (2010) và Webley và Nyhus (2006). Các tác giả nhấn mạnh rằng định hướng và giáo dục của cha mẹ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hành vi tiết kiệm của con cái. Khi cha mẹ có nhiều sự hỗ trợ và kinh nghiệm tiết kiệm thì con cái của họ sẽ có hành vi tiết kiệm nhiều hơn.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này nhằm mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng tự kiểm soát, hiểu biết tài chính và ảnh hưởng của gia đình là những yếu tố quyết định. Khả năng tự kiểm soát được chứng minh là yếu tố quan trọng nhất, đóng vai trò cốt lõi trong việc hình thành và duy trì thói quen tiết kiệm.

Về ý nghĩa lý thuyết, nghiên cứu đã bổ sung vào kho tàng kiến thức về hành vi tiết kiệm, đặc biệt là vai trò của khả năng tự kiểm soát. Đồng thời, nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường gia đình trong việc hình thành thói quen tài chính của giới trẻ.

Về góc độ thực tiễn, kết quả nghiên cứu gợi ý rằng các chương trình giáo dục tài chính cần được thiết kế một cách toàn diện, không chỉ tập trung vào kiến thức lý thuyết mà còn cần phát triển các kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng tự kiểm soát. Ngoài ra, gia đình cũng cần có vai trò tích cực trong việc giáo dục con em về quản lý tài chính.

Tuy nhiên, nghiên cứu này còn tồn tại một số hạn chế. Đầu tiên, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn ở thành phố Hồ Chí Minh. Thứ hai, phương pháp hồi quy sử dụng trong nghiên cứu chưa thể phản ánh đầy đủ các mối quan hệ phức tạp giữa các biến.

Để khắc phục những hạn chế này, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô nghiên cứu, sử dụng các phương pháp phân tích phức tạp hơn và kết hợp với các yếu tố văn hóa, xã hội để có cái nhìn toàn diện hơn về hành vi tiết kiệm của sinh viên Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1980). Understanding attitudes and predicting social behavior. Englewood cliffs.
2. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational behavior and human decision processes*, 50(2), 179-211.
3. Ajzen, I. (2011). The theory of planned behaviour: Reactions and reflections. *Psychology & health*, 26(9), 1113-1127.
4. Chia, Y. K., Chai, M. T., Fong, S. N., Lew, W. C., & Tan, C. T. (2011). Determinants of saving behaviour among the university students in Malaysia. *University Tunku Abdul Rahman*
5. Cochran, J. K., Al'eksa, V., & Sanders, B. A. (2008). Are persons low in self-control rational and deterrable? *Deviant Behavior*, 29(5), 461-483.
6. Dân số Việt Nam . (2024, January 22). Retrieved from Danso: <https://danso.org/viet-nam/>
7. Dangol, J., & Maharjan, S. (2018). Parental and peer influence on the saving behavior of the youth. *The International Research Journal of Management Science*, 3, 42-63.
8. Delafrooz, N., & Paim, L. H. (2011). Determinants of saving behavior and financial problem among employees in Malaysia. *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, 5(7), 222-228.
9. Duhigg, C. (2016). *Smarter Faster Better*. Random House.
10. Duhigg, C. (2016). *The Power of Habit*. Random House.
11. Furnham, A. (2001). Parental attitudes to pocket money/allowances for children. *Journal of Economic Psychology*, 22(3), 397-422.
12. Hair, J. F., Anderson, R. E., Babin, B. J., & Black, W. C. (2010). *Multivariate data analysis: A global perspective (Vol. 7)*. Pearson
13. Jorgensen, S. H., & Savla, N. (2010). Parental influence on the financial literacy of young adults in the United States. *Journal of Family and Economic Issues*, 31(4), 494-506.
14. Kim, G. J., & Hanna, S. D. (2017). Do self-control measures affect saving behavior? *Journal of Personal Finance*.
15. Lim, C.S. (2011). The analysis of psychological factors affecting savers in Malaysia. *Middle Eastern Finance and Economics*, 12(2011), 77-84
16. Lusardi, A. (2005). Financial education and the saving behavior of African American and Hispanic households. Report for the US Department of Labor, 1-48.
17. Mahdzan, N. S., & Tabiani, S. (2013). The impact of financial literacy on individual saving: an exploratory study in malaysia context. *Transformation in Business and Economics*, 12 (1), 41-55.
18. Otto, A. M. C. (2009). *The economic psychology of adolescent saving*. Doctoral dissertation, University of Exeter (United Kingdom).
19. Owusu, G. M. Y., Ansong, R., Koomson, T. A. A., & Addo-Yobo, A. A. (2022). Savings and investment behaviour of young adults: the role of financial literacy and parental financial behaviour. *African Journal of Management Research*, 27(1):75-92.
20. Sabri, M.F., M. MacDonald, J. Masud, L. Paim, T.K. Hira and M.A. Othman. (2008). Financial behavior and problems among college students in Malaysia: Research and education and implication. *Consumer Interests Annual*, 54(5).
21. Shaliza, H., Irma, A. N., & Mohamed, Z. . (2015). The influence of financial literacy on savings behavior among millennials in Perlis, Malaysia. *Journal of Islamic Economics, Banking and Finance*, 16(2).
22. Syahrom, N. A., Nasrudin, H., Mohamad Yasin, N. F., Azlan, A., & Manap, N. A. . (2017). Factors influencing saving behavior among Malaysian university students. *International Journal of Academic Research in Business, Economics and Accounting*, 14(3), 339-354.
23. The World Bank. (2024, January 22). Retrieved from World Bank Open Data: <https://data.worldbank.org>
24. Villanueva, S. (2017). *An analysis of the factors affecting the spending and saving habits of college students*. Skidmore College
25. Yen, N. T. (2015). Evaluate financial literacy of Vietnamese students in higher education and its determinants - the need of financial education. *Vietnam Economist Annual Meeting*.

PHỤ LỤC

Bảng A1: Thống kê mô tả thông tin

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ
Giới tính		
Nam	109	42%
Nữ	120	47%
Khác	28	11%
Sinh viên năm		
Năm 1	26	10%
Năm 2	36	14%
Năm 3	72	28%
Năm 4	123	48%
Hộ khẩu gia đình ở		
Miền Nam	181	70%
Miền Bắc	23	9%
Miền Trung	53	21%
Nguồn thu nhập hàng tháng của bạn đến từ đâu		
Trợ cấp GD	169	66%
Học bổng	41	16%
Làm thêm	47	18%
Nguồn thu nhập của bạn dao động trong khoản bao nhiêu		
3tr-5tr	87	34%
5tr-8tr	81	32%
8tr-10tr	50	20%
Trên 10tr	39	15%
Bạn thường giữ lại tối thiểu % thu nhập trong tháng cho khoản tiết kiệm		
0-10%	41	16%
10%-20%	116	45%
20%-30%	59	23%
Trên 30%	41	16%

Nguồn: Tác giả tự tính toán

Bảng A2: Tên biến và mã hóa biến

Hiểu biết tài chính	
Bạn biết và tìm hiểu thông tin về tài chính và tiết kiệm qua mạng xã hội.	TC1
Bạn biết và tìm hiểu thông tin về tài chính và tiết kiệm qua gia đình và bạn bè.	TC2
Bạn biết và tìm hiểu thông tin về tài chính và tiết kiệm qua các môn học ở trường lớp.	TC3
Bạn biết và tìm hiểu thông tin về tài chính và tiết kiệm qua việc tham gia các workshop hay talkshow.	TC4
Bạn biết và tìm hiểu thông tin về tài chính và tiết kiệm qua các ứng dụng có hiện nay.	TC5
Khi bạn đã nắm bắt rõ những thông tin về tài chính, bạn có thể áp dụng vào việc tiết kiệm cho riêng mình.	TC6
Hiểu biết tài chính là một trong những lý do cần thiết cho việc tiết kiệm của bản thân.	TC7
Hiểu biết về rủi ro tài chính và bảo vệ tài sản giúp bạn có ý thức tiết kiệm hơn.	TC8
Bạn có khả năng tự chuẩn bị hàng tuần cho ngân sách hàng tháng.	TC9
Bạn hiểu rõ hơn về các công cụ tài chính (ví dụ: trái phiếu, cổ phiếu)	TC10
Ảnh hưởng của gia đình	
Gia đình bạn có thói quen tiết kiệm có thể truyền cảm hứng và ảnh hưởng tích cực đến việc tiết kiệm của bạn	GD1
Bạn và gia đình thường xuyên thảo luận về tài chính và tiết kiệm có thể tạo ra ý thức tiết kiệm cho tất cả các thành viên trong gia đình.	GD2
Khi bạn áp dụng các biện pháp tiết kiệm trong cuộc sống hằng ngày trong gia đình sẽ giúp bản thân ngày càng biết cách chi tiêu hợp lý hơn	GD3
Bạn tiết kiệm chỉ vì đó là thói quen đã được gia đình rèn luyện từ nhỏ, chỉ tích góp để đối phó với tương lai	GD4
Bố mẹ động viên bạn tiết kiệm	GD5
Bố mẹ bạn dạy bạn cách lập ngân sách	GD6
Ảnh hưởng của bạn bè	
Theo như bạn biết, một số bạn bè của bạn thường xuyên tiết kiệm bằng tài khoản tiết kiệm	BB1
Bạn luôn thảo luận về vấn đề quản lý tiền bạc (tiết kiệm) với bạn bè.	BB2
Bạn luôn so sánh số tiền tiết kiệm và chi tiêu với bạn bè.	BB3
Bạn luôn dành thời gian giải trí với bạn bè	BB4

Tự kiểm soát	
Bản thân bạn luôn có thể kiểm soát về thói quen tiết kiệm của bản thân mình?	KS1
Bạn luôn lên kế hoạch để chi tiêu tiết kiệm nhất có thể?	KS2
Khi bản thân bạn hình thành được thói quen tiết kiệm nó luôn giúp bạn trong những trường hợp khẩn cấp?	KS3
Thói quen tiết kiệm sẽ giúp bạn lập ra được những kế hoạch bạn đang mong muốn, áp ử sẽ được thực hiện?	KS4
Bản thân bạn luôn đặt mục tiêu để có thói quen tiết kiệm?	KS5
Bạn luôn kiểm soát được việc mua sắm chi tiêu vừa đủ cho bản thân?	KS6
Bạn thường tập thói quen để dành một khoản tiền mỗi ngày, mỗi tuần?	KS7
Mức thu nhập của bản thân bạn luôn đủ cho việc chi tiêu và tiết kiệm	KS8
Khi có tiền, bạn luôn chi tiêu ngay lập tức	KS9
Khi đặt mục tiêu tiết kiệm cho bản thân, bạn rất hiếm khi hoàn thành được kế hoạch.	KS10
Bạn quan tâm những điều xảy ra với bạn trong ngắn hạn hơn là dài hạn.	KS11
Bạn thích tiêu tiền vào những thứ không thực tế.	KS12
Thói quen tiết kiệm	
Bạn luôn có suy nghĩ về thói quen tiết kiệm của bản thân?	TK1
Để tiết kiệm, bạn thường so sánh giá trước khi mua hàng	TK2
Bạn thường xuyên để tiền tiết kiệm để lo cho tương lai	TK3
Bạn luôn tuân theo ngân sách hàng tháng cẩn thận.	TK4
Để tiết kiệm, bạn dự định giảm chi tiêu	TK5
Để tiết kiệm, bạn thường cân nhắc xem có thực sự cần thiết trước khi mua hàng hay không.	TK6
Bạn tiết kiệm để đạt được những mục tiêu nhất định	TK7

Nguồn: Tác giả tự tính toán